

Số : 1104/DCVFM.2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

DCVFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND/ Fund name: DCVFMVN DIAMOND ETF
- Mã ccq/Code: FUEVFNVD
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 11-04-2024
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock		
1	ACB	7,600	6.78%
2	CTG	1,700	1.88%
3	FPT	4,200	15.73%
4	GMD	3,400	8.84%
5	HDB	3,100	2.44%
6	KDH	1,500	1.78%
7	MBB	8,300	6.50%
8	MSB	4,900	2.31%
9	MWG	9,400	16.08%
10	NLG	1,700	2.38%
11	OCB	2,400	1.16%
12	PNJ	3,500	11.59%
13	REE	2,000	4.12%
14	TCB	5,000	7.51%
15	TPB	3,800	2.29%
16	VIB	3,700	2.79%
17	VPB	6,900	4.39%
18	VRE	1,400	1.12%
II.	Tiền/ Cash (VND)	9,586,888	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)

3,029,510,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)

3,039,096,888

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)

9,586,888

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
ACB	29,810	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
FPT	125,180	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
MBB	26,180	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
OCB	16,115	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	110,660	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	68,860	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
TCB	50,215	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
VIB	25,190	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*)	Kỳ trước/Last period (**)	Chênh lệch/ Changes
	11-04-2024	10-04-2024	
1.Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	12	1	11
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	1	19	-18
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	518,800,000	517,700,000	1,100,000
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	30,310	30,320	-10
5.Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	15,788,108,334,029	15,770,104,532,211	18,003,801,818
của một lô ETF/per Creation Unit	3,039,096,888	3,035,631,286	3,465,602
của một chứng chỉ quỹ/per Share	30,390.96	30,356.31	34.65
6.Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	2,116.83	2,114.17	2.66

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 10/04/2024/(*)The criteria #5 is represented by NAV as at 10/04/2024

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 09/04/2024/(**)The criteria #5 is represented by NAV as at 09/04/2024



Lê Hoàng Anh

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư